TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2023/HS-ST
Ngày 09 - 01 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K - TỈNH HẢI DƯƠNG

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Ngọc

Ông Nguyễn Chí Dựng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:87/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022; Thông báo V/v Thay đổi thời gian xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/HSST-QĐ ngày 29/11/2022, số 76/2022/HSST-QĐ ngày 09/12/2022, số 77/2022/HSST-QĐ ngày 21/12/2022 đối với các bị cáo:

1.Bùi Ngọc B, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: L, T, K, Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị M; Có vợ Nguyễn Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2.Ngô Văn T1, sinh năm 1985. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: L2, P, K, Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Văn T và bà Phạm Thị C; Có vợ Nguyễn Thị H và có 02 con, con lớn sinh 2011, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3.Đồng Văn T2, sinh năm 1992. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: K, V, C, Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đồng Văn

T5 và bà Nguyễn Thị T6; Có vợ Vi Thị K2 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4.Phạm Văn L, sinh năm 1995. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: C1, D, K, Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn N1 và bà Đào Thị H2; Có vợ Nguyễn Bích N2 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5.Hoàng Văn S, sinh năm 1992. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: H1 2, M, K, Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn V và bà Vũ Thị L3; Có vợ Bùi Thị Phương T7 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

6.Lê Văn L, sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: C5, D, K, Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Anh Đ và bà Nguyễn Thị L1; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

7.Trần Văn C, sinh năm 1982. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu 6, P, K, Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn 4 và bà Trương Thị L5; Có vợ Phạm Thị T8 và có 02 con, con lớn sinh 2008, con nhỏ sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

8.Nguyễn Văn T4, sinh năm 1986. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu 6, P, K, Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị V1; Có vợ Đỗ Thị T9 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

9.Trần Văn K1, sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: H2 2, M, K, Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn

Q và bà Phùng Thị K3.Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: 1. Anh Vũ Văn T2.

2. Anh Phạm Văn Q.

3. Anh Lê Văn T3.

4. Anh Trương Q T4.

5. Anh Phạm Văn C2

6. Anh Trương Văn B

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 04/8/2022, Bùi Ngọc B, Đồng Văn T2, Ngô Văn T1 đi từ Công ty TNHH MTV Phú C có địa chỉ ở khu dân cư L2, P, K, Hải Dương sang phòng nghỉ của công nhân do Công ty TNHH TM và VT L Thuận thuê của Công ty TNHH TM Hoàng Anh HD ở bên cạnh chơi thấy Hoàng Văn S, Trần Văn C, Nguyễn Văn T3, Lê Văn L, Phạm Văn L đang ngồi chơi uống nước ở khu vực bàn trước cửa phòng nghỉ của công nhân thì T1, B, T2 ngồi uống nước cùng mọi người. Sau đó T1 đi vào trong phòng nghỉ ngồi lên chiếc giường kê ở giữa phòng thấy có sẵn 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng và 04 quân bài hình tròn có một mặt màu xanh, một mặt màu trắng - đỏ được cắt từ quân bài T2 lơ khơ, T1 lấy bát, đĩa sứ và 04 quân bài ra xóc chơi một mình. Lúc này trong phòng có Vũ Văn T2, Phạm Văn Q, Lê Văn T3, Trương Q T4, Phạm Văn C2, Trương Văn B đang nằm nghỉ, người thì ngủ người thì xem điện thoại. Sau đó B, T2, L đi vào ngồi lên giường với T1 rồi cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, B là người cầm cái. Khi đánh bạc B sử dụng 7.000.000 đồng, T1 sử dụng 2.400.000 đồng, T2 sử dụng 1.600.000 đồng, L sử dụng 850.000 đồng; các đối tượng trên quy định mỗi ván mỗi người đánh thấp nhất là 50.000 đồng trở lên theo 2 cửa chẵn và lẻ, khi người cầm cái mở bát ra có 02 quân bài hoặc 04 quân bài cùng màu là chẵn, nếu 1 quân bài hoặc 3 quân bài cùng màu là lẻ, nếu ai đặt đúng thì được hưởng bằng số tiền đã đặt do người cầm cái trả, nếu ai đặt sai thì mất toàn bộ số tiền đã đặt cược cho người cầm cái. Đến khoảng 12 giờ 25 phút cùng ngày lần lượt có Trần Văn K1, S, L, C, Nguyễn Văn T4 vào tham gia đánh bạc cùng các đối tượng trên, K1 sử dụng 50.000 đồng, S sử dụng 350.000 đồng, L sử dụng 300.000 đồng, C sử dụng 300.000 đồng, T4 sử dụng 230.000 đồng, K1 đánh được một ván bị thua hết tiền ngồi xem. Cứ như vậy, B cùng các đối tượng trên đánh xóc đĩa được thua bằng tiền đến 12 giờ 45 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an thị xã K phối hợp với Công an phường P kịp thời phát hiện bắt quả tang, vật chứng thu giữ tại chiếu bạc số tiền 12.550.000 đồng, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04

quân bài hình tròn có đặc điểm như trên; T1 tự nguyện giao nộp số tiền 1.300.000 đồng sử dụng đánh bạc cất trong T2i quần đang mặc.

Trước cơ quan điều tra, các bị cáo Bùi Ngọc B, Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S, Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn văn T4,Trần Văn K1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai người làm chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K thu thập được.

Tại Cáo trạng số 93/CT-VKS ngày 24/10/2022, VKSND thị xã K truy tố các bị cáo Bùi Ngọc B, Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Trần Văn K1, Hoàng Văn S, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Lê Văn L về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Vị đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Ngọc B, Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S, Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Trần Văn K1 phạm tội Đánh bạc. Về hình phạt chính, đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2, 5 Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc B từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2, 5 Điều 65 của BLHS, xử phạt bị cáo Ngô Văn T1 từ 11 đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 22 đến 28 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 khoản 1,2, 5 Điều 65 của BLHS: xử phạt bị cáo Đồng Văn T2 từ 10 đến 13 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 26 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo Phạm Văn L từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị cáo Hoàng Văn S từ 08 đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 22 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Ngọc B cho UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương; giao bị cáo Ngô Văn T1 cho UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương; giao bị cáo Phạm Văn L cho UBND phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương; giao bị cáo Hoàng Văn S cho UBND phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Đồng Văn T2 cho UBND phường V, T1 phố Chí L, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật THAHS. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 2 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của BLHS: xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ sau quy đổi là 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 14 tháng 21 ngày đến 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước; Bị cáo Trần Văn C từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ sau quy đổi là 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 14 tháng 21 ngày đến 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước; Bị cáo Nguyễn Văn T4 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ sau quy đổi là 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 11 tháng 21 ngày đến 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước; Bị cáo Trần Văn K1 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ sau quy đổi là 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 11 tháng 21 ngày đến 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 05% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Lê Văn L cho UBND phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương; giao các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn T4 cho UBND phường P; giao bị cáo Trần Văn K1 cho UBND phường M giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS, phạt bổ sung đối với các bị cáo Bùi Ngọc B, Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S, Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Trần Văn K1 mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra quan điểm Đại diện VKS còn đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết về vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Bùi Ngọc B, Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Trần Văn K1, Hoàng Văn S, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Lê Văn L đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, người làm chứng, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu liên quan khác có trong hồ sơ. Nên có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ khoảng 12 giờ đến 12 giờ 45 phút ngày 04/8/2022, tại phòng nghỉ do công nhân Công ty TNHH TM và VT L Thuận thuê của Công ty TNHH TM Hoàng Anh HD có địa chỉ ở khu dân cư L2, P, K, Hải Dương, Bùi Ngọc B, Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S, Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Trần Văn K1 có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 13.850.000 đồng. Do vậy, VKSND thị xã K truy tố các bị cáo Bùi Ngọc B, Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S, Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Trần Văn K1 về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây ảnh hưởng tới cuộc đấu tranh phòng chống tệ nạn cờ bạc trong xã hội nói chung, trên địa bàn phường P nói riêng. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Trong vụ án, các bị cáo đều với vai trò là người thực hành, thực hiện hành vi phạm tội tích cực, bị cáo B là người cầm cái, có số tiền đánh bạc lớn nhất trong vụ án, tiếp theo là bị cáo T1, T2, L, S, L, C, K1. Nên các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng về hành vi và hậu quả của bị cáo gây ra mới đảm bảo tính giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Quá trình thực hiện hành vi đánh bạc, B khai sử dụng 7.000.000 đồng, T1 khai sử dụng 2.400.000 đồng, T2 khai sử dụng 1.600.000 đồng, L khai sử dụng 850.000 đồng, S khai sử dụng 350.000 đồng, L khai sử dụng 300.000 đồng, C khai sử dụng 300.000 đồng, T4 khai sử dụng 230.000 đồng, K1 khai sử dụng 50.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng vào việc đánh bạc là 13.080.000đ. Song quá trình bắt giữ quả tang, thu tại chiếu bạc và thu trên người bị cáo T1 với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc có tổng là 13.850.000 đồng. Do vậy, cần xác định và buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung về số tiền đánh bạc đã bị thu giữ là 13.850.000đ, là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Ngô Văn T1 có bố đẻ được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang và có nhiều bằng khen, giấy khen khác. Do vậy, đối với các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Ngô Văn T1 còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS "gia đình có công với nước", nên cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Xét về nhân thân cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều đã chấp hành tốt chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Do vậy, nghĩ nên áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo Bùi Ngọc B, Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Trần Văn K1. Giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách, cải tạo không giam giữ cũng đủ đảm bảo tính giáo dục, cải tạo các bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần xem xét đến tính chất, mức độ, quá trình thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo, để phân hóa về hình phạt đối với từng bị cáo là phù hợp.

Trong vụ án, việc các bị cáo đánh bạc tại phòng nghỉ của công nhân Công ty TNHH TM và VT L Thuận nhưng Giám đốc của công ty không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã K không đặt ra việc xử lý là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo nên áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo Bùi Ngọc B 13.000.000đ; Các bị cáo Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S mỗi bị cáo 12.000.000đ; Các bị cáo Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Trần Văn K1 mỗi bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, công an đã thu giữ vật chứng gồm: thu giữ tại chiếu bạc số tiền 12.550.000 đồng, 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân bài hình tròn và số tiền 1.300.000 đồng T1 cất trong T2i quần đang mặc để sử dụng đánh bạc. Xét 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 04 quân bài hình tròn là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, có giá trị không lớn nên cần tịch thu cho hủy bỏ; Đối với số tiền 12.550.000 đồng thu tại chiếu bạc và số tiền 1.300.000 đồng thu trên người T1 các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước tổng số tiền là 13.850.000đ là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban T2 vụ Quốc Hội quy định về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Bùi Ngọc B, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65 BLHS đối với bị cáo Ngô Văn T1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS đối với bị cáo Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Trần Văn K1.

Căn cứ khoản 3 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo Bùi Ngọc B, Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S, Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Trần Văn K1.

Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 1 và điểm a,b,c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T2 vụ Quốc hội về mức thu nộp án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Ngọc B, Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S, Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Trần Văn K1 phạm tội "Đánh bạc".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo:

1. Bùi Ngọc B 13 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Ngô Văn T1 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Đồng Văn T2 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Phạm Văn L 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Hoàng Văn S 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Ngọc B về UBND xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Ngô Văn T1 về UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Đồng Văn T2 về UBND phường V, T1 phố Chí L, tỉnh Hải Dương; Phạm Văn L về UBND phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Hoàng Văn S về UBND phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Lê Văn L 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ *(từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022)* bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo L còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn được tính từ ngày UBND phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo L trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

7. Trần Văn C 15 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ *(từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022)* bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo C còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn được tính từ ngày UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo C trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

8. Nguyễn Văn T4 13 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ *(từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022)* bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo T4 còn phải chấp hành 12 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn được tính từ ngày UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo T4 trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

9. Trần Văn K1 12 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 03 ngày tạm giữ *(từ ngày 04/8/2022 đến ngày 06/8/2022)* bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo K1 còn phải chấp hành 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn được tính từ ngày UBND phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo K1 trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Văn L về UBND phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Trần Văn C, Nguyễn Văn T4 về UBND phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương và Trần Văn K1 về UBND phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương quản lý và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Bùi Ngọc B 13.000.000đ và các bị cáo Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S mỗi bị cáo 12.000.000đ sung quỹ Nhà nước; Các bị cáo Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Trần Văn K1 mỗi bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Tuyên tịch thu cho tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.850.000 đồng. *(Được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K).*

Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Ngọc B, Ngô Văn T1, Đồng Văn T2, Phạm Văn L, Hoàng Văn S, Lê Văn L, Trần Văn C, Nguyễn Văn T4, Trần Văn K1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo. Tòa án báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã K;*
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Chi cục THADS thị xã K;*
- *Công an thị xã K;*
- *Cơ quan THAHS Công an thị xã K.Môn;*
- *Bộ phận HSNV Công an thị xã K.Môn;*
- *Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền